CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu

Ngày 30/06/2025	6,550 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.7%	-	-

DT thuần
Q2/25
553
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 119| 27.5%
YoY: ▼542| -49.5%

LN thuần
Q2/25
-4.49
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.77| -451%
YoY: ▼5.54| -528%

LN sau thuế
Q2/25
-4.20
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.22| -511%
YoY: ▼4.86| -736%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
0.9%
YoY: +/-▼ 0.6%

ROE (TTM)
Q2/25
-1.1%
YoY: +/-▼ 1.4%

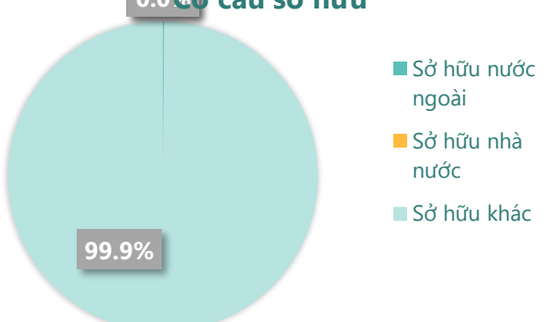
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,510 - 8,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	226
Số lượng CPLH (CP)	34,535,699
KLGD BQ 20 phiên (CP)	196,075
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.41
EPS	-117
P/E	-55.9

DT thuần
6T 2025
987
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,085| -52.4%

LN thuần
6T 2025
-3.21
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.71| -171%

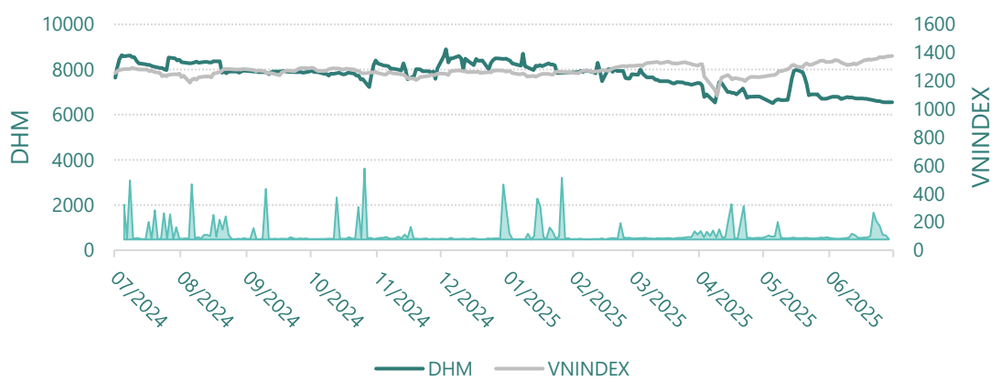
LN sau thuế
6T 2025
-3.17
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.59| -193%

Cơ cấu sở hữu

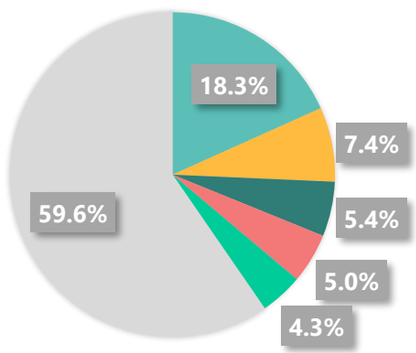


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

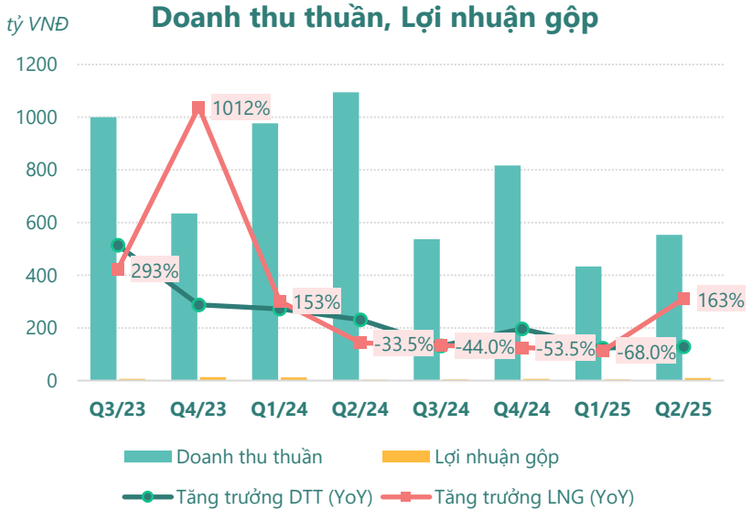


- Nguyễn Thị Dung (Tổng giám đốc)
- Trịnh Gia Tùng
- Trương Quang Thắng
- Lê Thanh Tuấn
- Dương Thị Thúy Hà
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

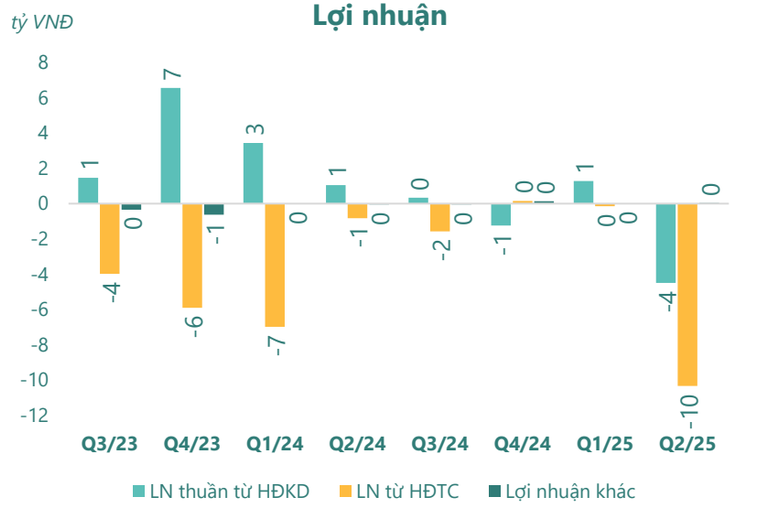
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



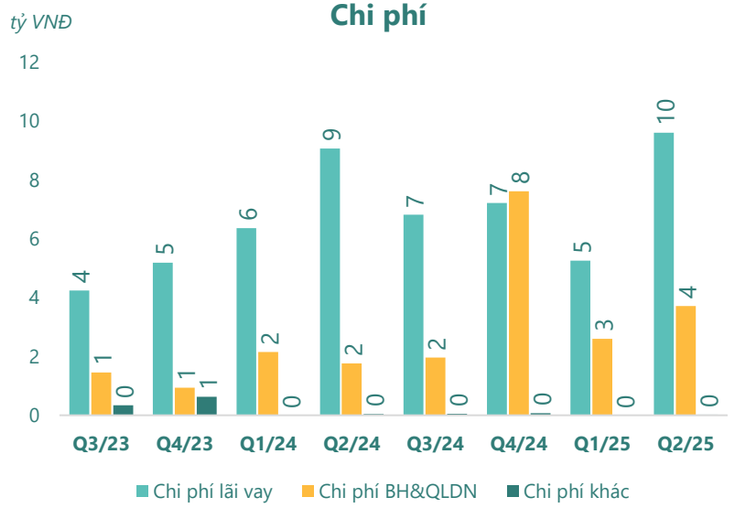
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



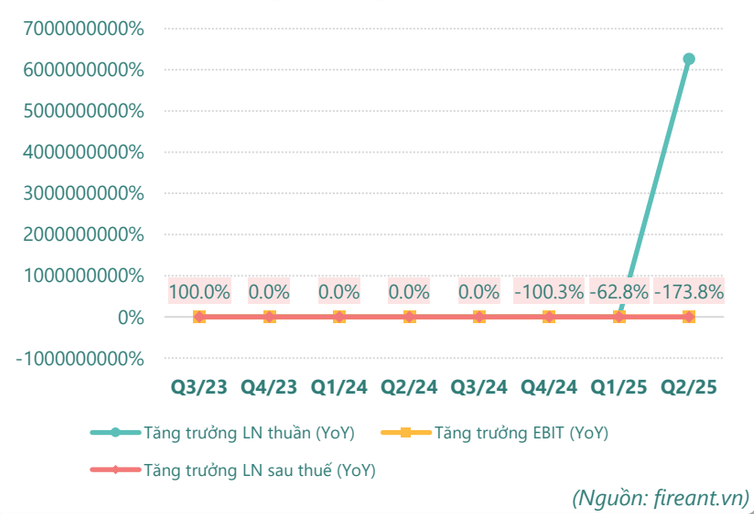
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



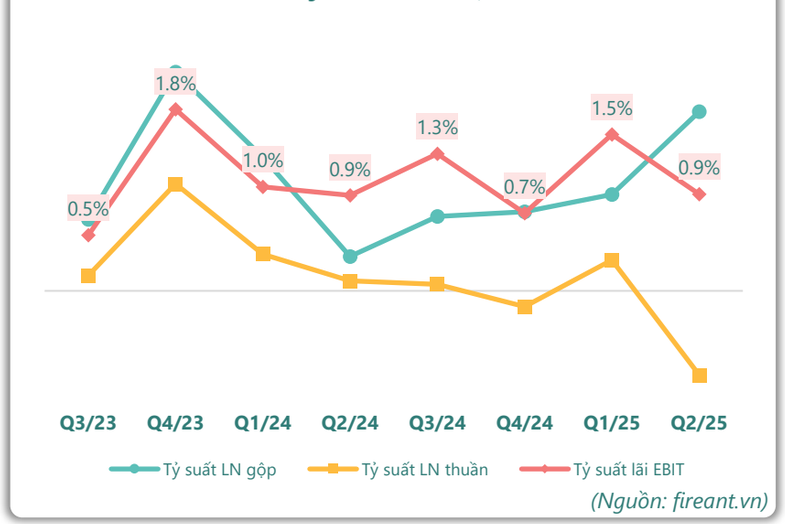
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



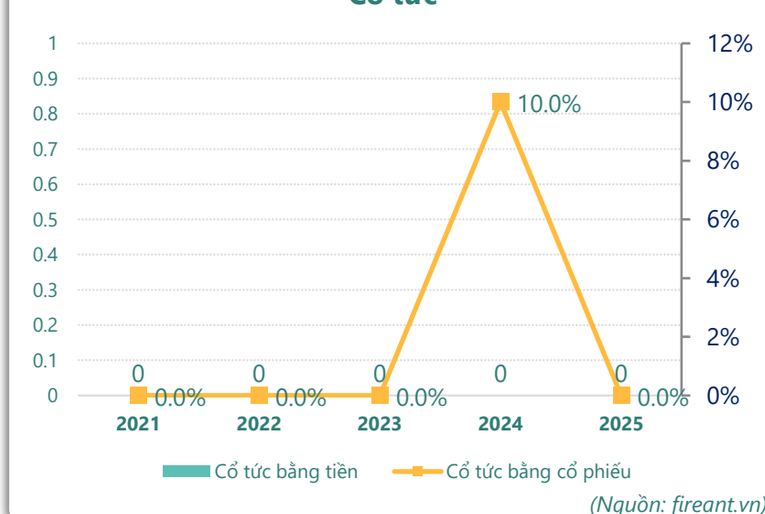
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

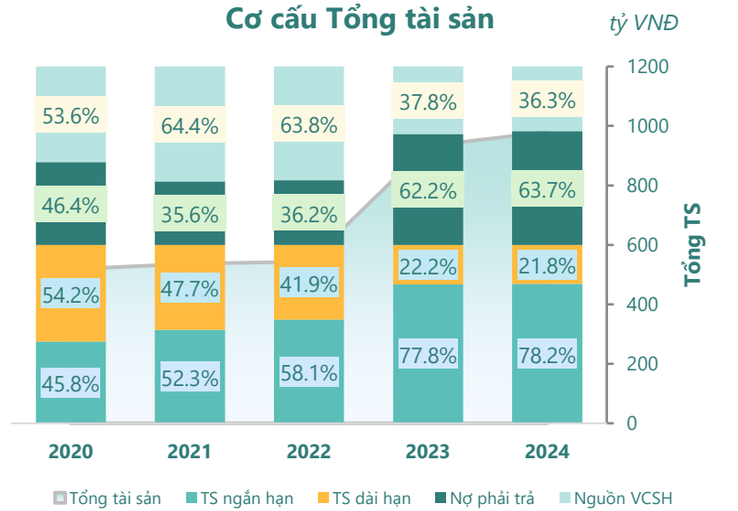
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

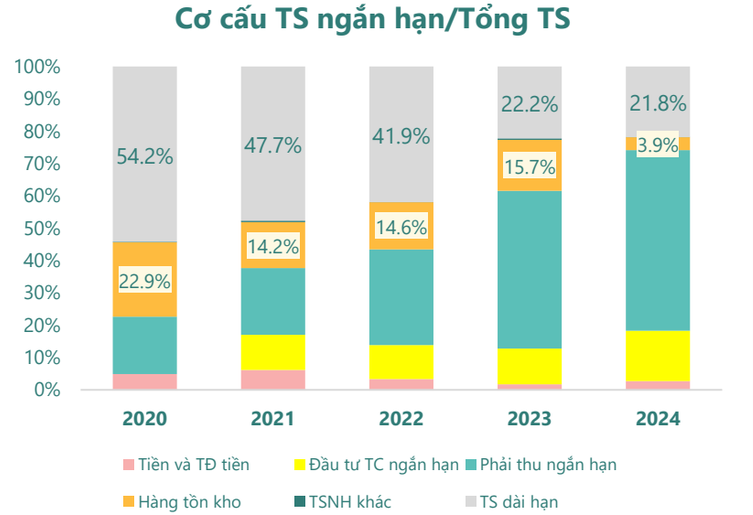
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



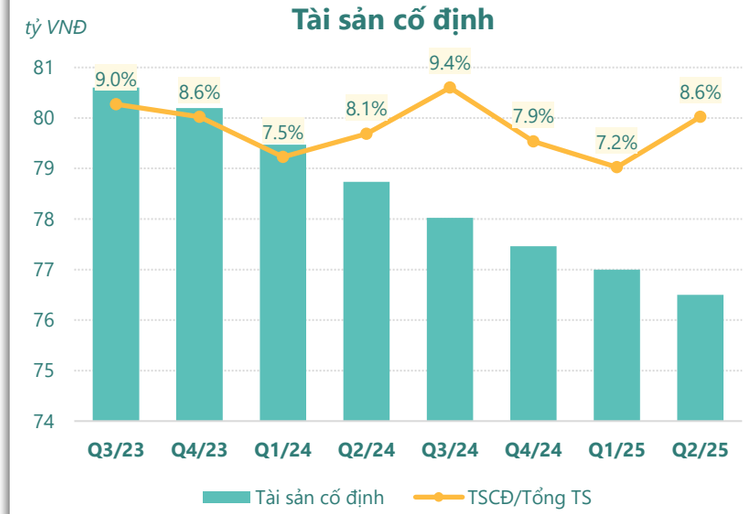
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



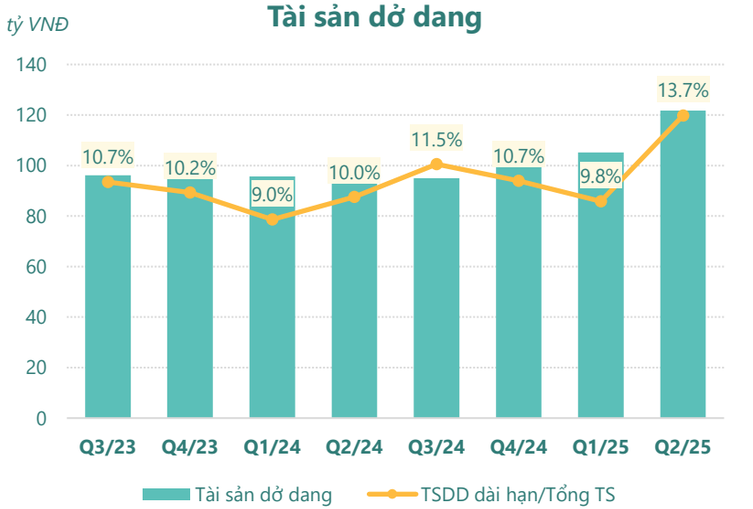
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



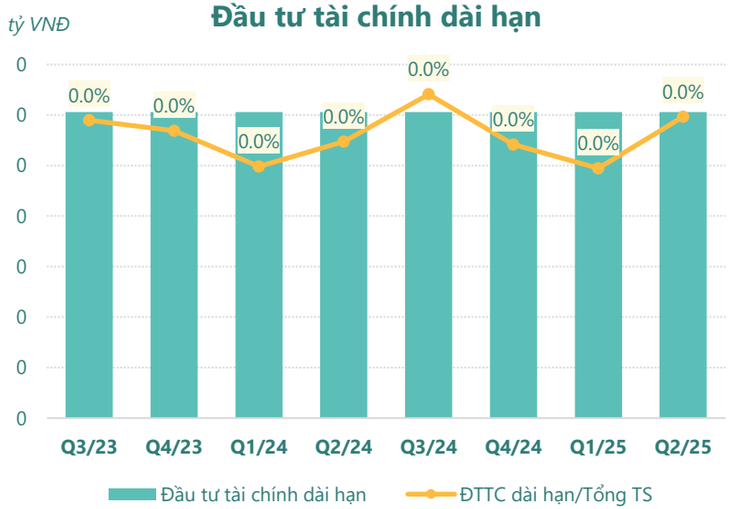
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



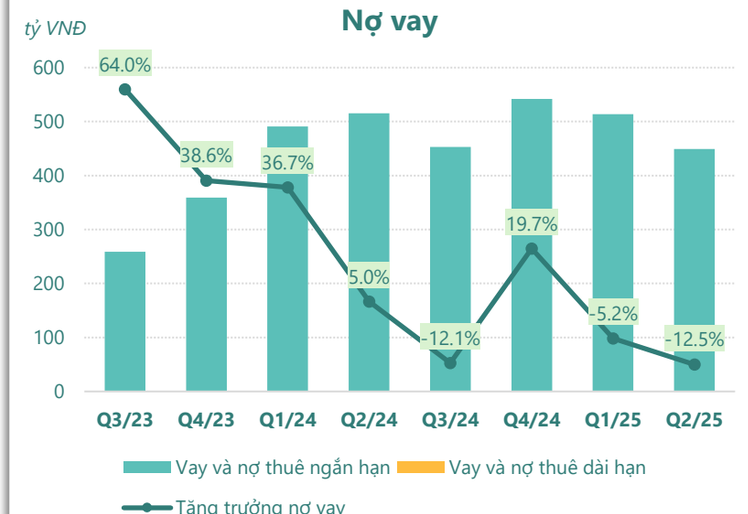
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

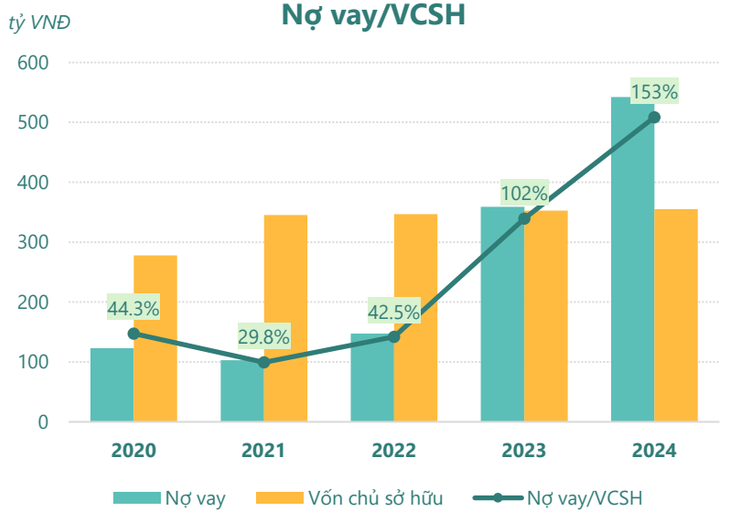
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



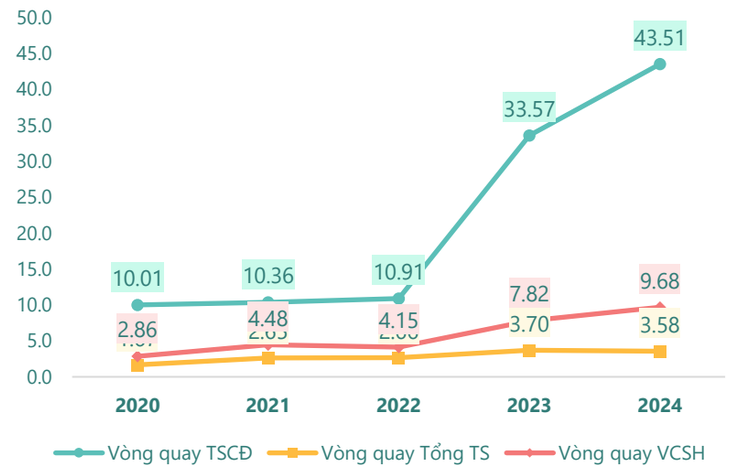
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



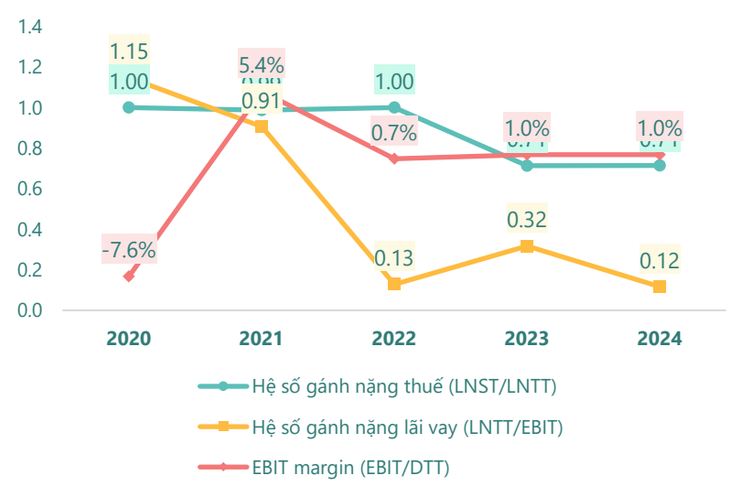
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



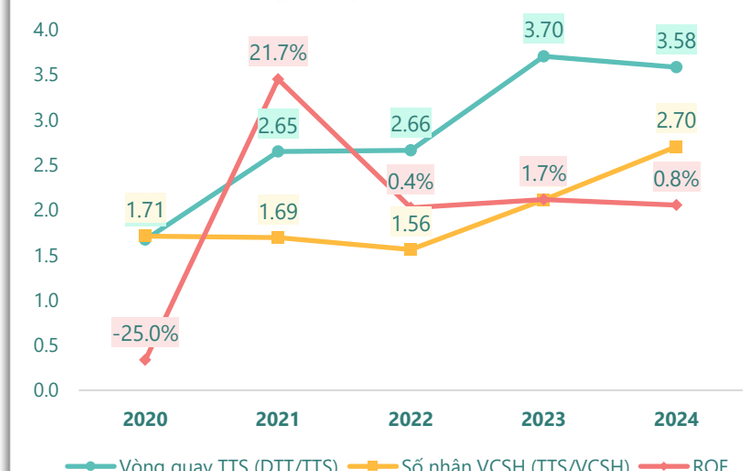
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



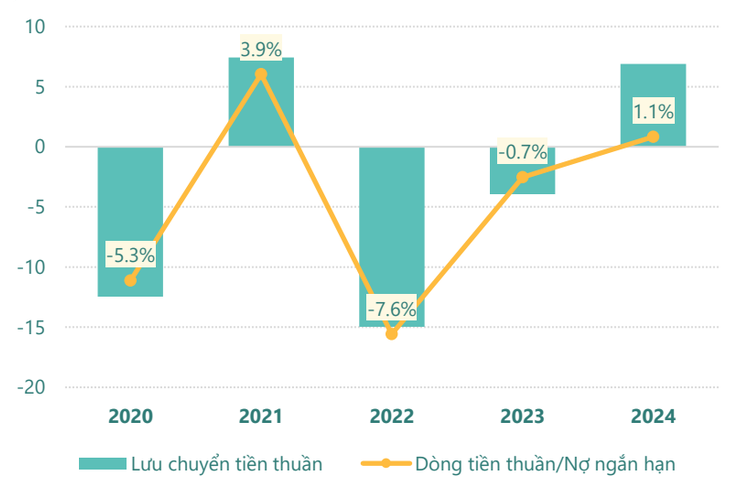
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**553**	**1,095**	**-49.5%**	**987**	**2,072**	**-52.4%**
Giá vốn hàng bán	544	1,091	-50.1%	973	2,056	-52.6%
Lợi nhuận gộp	9.56	3.64	163%	13.6	16.2	-16.2%
Doanh thu HĐTC	6.52	4.83	35.0%	11.4	4.83	137%
Chi phí TC	16.9	5.65	198%	21.9	12.6	73.4%
Chi phí lãi vay	9.61	9.07	6.0%	14.9	15.4	-3.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.58	0.37	56.1%	1.00	0.73	36.9%
Chi phí QLDN	**3.14**	**1.39**	**126%**	**5.32**	**3.19**	**66.8%**
LN thuần từ HĐKD	-4.49	1.05	-528%	-3.21	4.50	-171%
Lợi nhuận khác	**0.04**	**-0.05**	**183%**	**0.04**	**-0.05**	**189%**
LN trước thuế	-4.45	1.01	-541%	-3.17	4.45	-171%
Lợi nhuận sau thuế	**-4.20**	**0.66**	**-736%**	**-3.17**	**3.42**	**-193%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-4.20**	**0.66**	**-736%**	**-3.17**	**3.42**	**-193%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-121	-8.74	127	-26.9	32.4	56.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-24.5	-61.1	-62.6	0.10	1.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	120	36.5	-62.5	89.2	-36.8	-55.9
Tiền đầu kỳ	15.6	14.8	20.7	21.3	26.8	25.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.89**	**3.29**	**3.21**	**-0.29**	**-4.24**	**1.75**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	2.69	-2.69	4.26	3.34	3.60
Tiền cuối kỳ	14.8	20.7	21.3	25.2	25.9	31.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**889**	**980**	**-9.3%**
Tài sản ngắn hạn	659	766	-13.9%
Tiền và tương đương tiền	31.3	26.8	16.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	171	153	11.7%
Phải thu ngắn hạn	361	547	-33.9%
Hàng tồn kho	89.1	38.7	130%
Tài sản ngắn hạn khác	7.09	0.99	614%
Tài sản dài hạn	**230**	**214**	**7.5%**
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.0%
Tài sản cố định	76.5	77.3	-1.0%
Bất động sản đầu tư	30.5	30.0	1.6%
Tài sản dở dang	122	105	15.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.06	0.06	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.92**	**1.18**	**-22.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	537	625	-14.0%
Nợ ngắn hạn	**537**	**625**	**-14.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	449	542	-17.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	83.6	10.2	719%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**352**	**355**	**-0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**352**	**355**	**-0.9%**
Vốn điều lệ	345	314	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)